

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BỈM SƠN
TỔ GIÚP VIỆC THEO QĐ 605
Số : /TTr-TGV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bỉm Sơn, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Tây
đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn**

Kính gửi: UBND phường Bỉm Sơn

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng của Bộ Xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 2381/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, của cấp quyết định đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư

công; cấp phê duyệt đối với dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp huyện quyết định;

Căn cứ Quyết định 2741/QĐ-UBND ngày 14/08/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công cấp huyện bàn giao về cấp tỉnh quản lý sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh ;

Căn cứ Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Căn cứ các Công văn của UBND tỉnh: số 12863/UBND-THĐT ngày 06/8/2025 về việc giao chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công của cấp huyện bàn giao về cấp xã quản lý và số 14152/UBND-CNXXDKH ngày 24/8/2025 về việc xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND phường Bỉm Sơn về việc thành lập tổ giúp việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng do UBND phường Bỉm Sơn là chủ đầu tư (sau đây gọi là Tổ giúp việc 605);

Tổ giúp việc 605 kính trình UBND phường xem xét điều chỉnh dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn với các nội dung chính sau:

I. Thông tin chung của dự án

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn.

4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu ở đồng bộ phù hợp quy hoạch, tạo quỹ đất để bố trí tái định cho các dự án trên địa bàn phường Bỉm Sơn.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô đầu tư: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho khoảng 3,0ha và hạ tầng kết nối hiện trạng, trong đó bao gồm san nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy,.... ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch & khu dân cư;
- Phía Nam giáp đường quy hoạch (hiện trạng trường sông Tam Điệp);
- Phía Tây giáp đường quy hoạch (hiện trạng là đất nông nghiệp);
- Phía Đông giáp đường quy hoạch (đường Nam Bỉm Sơn 6) và khu dân cư hiện trạng;

5. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Diện tích sử dụng đất: khoảng 3,0ha

6. Loại nhóm dự án, cấp công trình chính: Dự án nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

7. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:
Tổng mức đầu tư: 50.023.154.406 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm linh sáu đồng)

Trong đó:

- + Chi phí GPMB 10.263.000.000 đồng;
- + Chi phí xây lắp: 30.713.796.758 đồng;
- + Chi phí thiết bị: 1.235.300.000 đồng;
- + Chi phí quản lý dự án: 702.681.626 đồng;
- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.088.761.188 đồng;
- + Chi phí khác: 567.090.820 đồng;
- + Chi phí dự phòng: 4.452.524.014 đồng.

8. Thời gian thực hiện: Không quá 03 năm (2023-2025).

9. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách thị xã (nguồn thu tiền sử dụng đất).

II. Lý do đề nghị điều chỉnh dự án:

Do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, dự án được bàn giao về cấp xã (mới) thực hiện.

Đồng thời, dự án được UBND tỉnh chấp thuận là khu vực tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá tại công văn số 14152/UBND-CNXXDKH ngày 24/8/2025;

Mặt khác, do khó khăn trong công tác GPMB và nguồn vốn nên tiến độ thực hiện của dự án đã sắp hết, không đủ thời gian để hoàn thành dự án.

Do yêu cầu cập nhật giá trị dự toán xây dựng vào Tổng mức đầu tư theo Công bố Thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Quý II năm 2025 số 6084/SXD-KTVL của Sở xây dựng ngày 24/7/2025.

III. Các nội dung đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:

1. Điều chỉnh Chủ đầu tư dự án:

- **Chủ đầu tư được đã phê duyệt:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn.

- **Chủ đầu tư điều chỉnh:** UBND phường Bỉm Sơn.

2. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng:

- **Quy mô đầu tư xây dựng đã được duyệt:** Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho khoảng 3,0ha và hạ tầng kết nối hiện trạng, trong đó bao gồm san nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy,....

- **Quy mô đầu tư xây dựng điều chỉnh:** Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho khoảng 3,0ha trong đó gồm 02 hạng mục công trình thành phần: (1) Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng

bởi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha, và (2) Hạng mục công trình: Để phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng, trong đó bao gồm san nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy,....

3. Điều chỉnh Tổng mức đầu tư:

a. Tổng mức đầu tư đã phê duyệt: 50.023.154.406 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm linh sáu đồng)

trong đó:

+ Chi phí GPMB	10.263.000.000 đồng;
+ Chi phí xây lắp:	30.713.796.758 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	1.235.300.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	702.681.626 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.088.761.188 đồng;
+ Chi phí khác:	567.090.820 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	4.452.524.014 đồng.

b. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 50.023.154.406 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm linh sáu đồng)

trong đó:

+ Chi phí GPMB	10.263.000.000 đồng;
+ Chi phí xây lắp:	33.055.497.000 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	1.235.300.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	740.993.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.040.119.555 đồng;
+ Chi phí khác:	573.435.751 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	2.114.809.100 đồng.

(Có chi tiết kèm theo)

4. Điều chỉnh hình thức Quản lý dự án:

- **Hình thức quản lý dự án đã phê duyệt:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn thực hiện quản lý dự án.

- **Hình thức quản lý dự án điều chỉnh:** Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

5. Điều chỉnh thời gian thực hiện:

- **Thời gian thực hiện dự án đã duyệt:** Không quá 3 năm (2023-2025).

- **Điều chỉnh Thời gian thực hiện dự án:** Hoàn thành năm 2026.

6. Điều chỉnh nguồn vốn:

- **Cơ cấu nguồn vốn được duyệt:** Vốn Ngân sách thị xã Bỉm Sơn.

- **Cơ cấu nguồn vốn điều chỉnh:** Vốn GPMB của dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá; ngân sách phường và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

7. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định 2354/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn.

IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Bim Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn; Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 16/6/2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Bim Sơn về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn.

2. Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây đường Yết Kiêu, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn.

3. Các tài liệu khác kèm theo.

Kính đề nghị UBND phường Bim Sơn xem xét, thẩm định điều chỉnh dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTHT&ĐT, thanhtd;

TỔ TRƯỞNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Trần Xuân Việt

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

CÔNG TRÌNH: KHU DÂN CƯ PHÍA TÂY ĐƯỜNG YẾT KIỆU, PHƯỜNG LAM SƠN, THỊ XÃ BỈM SƠN

(Kèm theo tờ trình số: /TTr-TGV 605 ngày tháng năm 2025 của tổ giúp việc 605 phường Bỉm Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Diễn giải tính toán dự toán sau điều chỉnh	Thành tiền theo Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Thành tiền Sau điều chỉnh tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025		
				Sau VAT	Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG		Theo QĐ số 2354/QĐ-QLDA ngày 20/12/2023	10.263.000.000	10.263.000.000		10.263.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		30.713.796.758	30.050.451.818	3.005.045.182	33.055.497.000
1	Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha		Bảng Tổng hợp chi phí xây dựng + thiết bị		19.061.788.182	1.906.178.818	20.967.967.000
2	Hạng mục công trình: Để phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng		Bảng Tổng hợp chi phí xây dựng + thiết bị		10.988.663.636	1.098.866.364	12.087.530.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb		1.235.300.000	1.123.000.000	112.300.000	1.235.300.000
1	Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án		Bảng Tổng hợp chi phí xây dựng + thiết bị		1.015.000.000	101.500.000	1.116.500.000

	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha							
2	Hạng mục công trình: Đề phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng		Bảng Tổng hợp chi phí xây dựng + thiết bị			108.000.000	10.800.000	118.800.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	(Gxd+Gtb) trước thuế x	2,377%	702.681.626	740.992.950	59.279.436	800.272.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv			2.088.761.188	1.890.084.594	150.034.960	2.040.119.555
1	Chi phí khảo sát	Gtv1	Theo QĐ số 87/QĐ-QLDA ngày 21/6/2023			115.712.383	9.256.991	124.969.374
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Gtv2	Theo QĐ số 87/QĐ-QLDA ngày 21/6/2023			3.471.371	277.710	3.749.081
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv3	Theo QĐ số 87/QĐ-QLDA ngày 21/6/2023			178.918.997	14.313.520	193.232.517
4	Chi phí thiết kế BVTC + DT	Gtv4	Theo QĐ số 71/QĐ-QLDA ngày 19/4/2024			547.061.111	43.764.889	590.826.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	Gtv5	Theo QĐ số 2354/QĐ-QLDA ngày 20/12/2023			45.786.308	3.662.905	49.449.213
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	Gtv6	Theo QĐ số 2354/QĐ-QLDA ngày 20/12/2023			44.079.986	3.526.399	47.606.385
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng Hạng mục công trình: Đề phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv8	Gxd trước thuế x	0,382%		41.976.695	3.358.136	45.334.831

9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị Hạng mục công trình: Đề phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv9	Gtb trước thuế x	0,302%		326.160	26.093	352.253
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha	Gtv10	Gxd trước thuế x	2,165%		412.687.714	33.015.017	445.702.731
	Chi phí giám sát thi công xây dựng Hạng mục công trình: Đề phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv11	Gxd trước thuế x	2,165%		237.904.568	19.032.365	256.936.933
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha	Gtv12	Gxd trước thuế x	0,803%		8.150.450	652.036	8.802.486
	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị Hạng mục công trình: Đề phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv13	Gxd trước thuế x	0,803%		867.240	69.379	936.619

12	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Gtv14	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			4.711.808	376.945	5.088.753
13	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Hạng mục công trình: Để phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv15	Dự toán gói thầu XD+TB x	0,020%		2.441.266		2.441.266
14	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC gói thầu xây lắp Hạng mục công trình: Để phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv16	Dự toán gói thầu XD+TB x	0,05%		6.103.165		6.103.165
15	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Hạng mục công trình: Để phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gtv17	Dự toán gói thầu XD+TB x	0,050%		6.103.165		6.103.165
16	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Gtv18	Theo QĐ số 87/QĐ-QLDA ngày 21/6/2023			210.634.059	16.850.725	227.484.783
17	Chi phí thẩm định giá	Gtv19	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			23.148.148	1.851.852	25.000.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	Gk			567.090.820	534.684.256	38.751.494	573.435.751
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	Gk1	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			58.500.000	4.680.000	63.180.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	Gk2	Gxd trước thuế x	0,25%		47.654.470	4.765.447	52.419.918

	gói thầu Hạng mục công trình: Khu vực phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hoá với quy mô 1,6ha.							
3	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP) gói thầu Hạng mục công trình: phục vụ tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn và hạ tầng kết nối hiện trạng	Gk3	Gxd trước thuế x	0,25%		27.471.659	2.747.166	30.218.825
4	Phí thẩm định dự án đầu tư	Gk4	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			7.503.473		7.503.473
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			71.282.995		71.282.995
6	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk6	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			225.104.195	18.008.336	243.112.531
7	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	Gk7	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			2.310.065	184.805	2.494.870
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	Gk8	Ggs x	10,00%		41.268.771	4.126.877	45.395.649
9	Chi phí nghiệm thu đóng điện (Vb số 9225/BCT-TCNL ngày 05/10/2021)	Gk9	<i>Bảng tính chi tiết</i>			42.388.627	4.238.863	46.627.490
10	Lệ phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Gk10	Theo QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 20/12/2023			11.200.000		11.200.000

[illegible]